

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày 30-9-2020
V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng tín dụng và hợp đồng
thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Ngọc Trai;
2. Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Phường M, Quận T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Tiết Văn T1 – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm T – Phó Giám đốc Chi nhánh thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khóm B1, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1972;

2. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 24/6/2019 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với anh Nguyễn Tấn P có ký kết hợp đồng tín dụng số 6508LAV201903625, với nội dung là Ngân hàng thống nhất cho anh P vay số tiền là 530.000.000đ. Mục đích vay sử dụng vào mục đích cá nhân, kinh doanh mua bán phụ tùng xe ô tô. Thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 25/6/2020. Lãi suất hai bên thống nhất là trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất có thể điều chỉnh định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần phù hợp với quy định hiện hành của Ngân hàng N. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì giữa hai bên có ký kết hợp đồng thế chấp số 092018.77/HĐTC ngày 15/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 092018.77/01/HĐTC ngày 24/06/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 79,2m², thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 90 tọa lạc khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, loại đất ở tại đô thị và căn nhà ở gắn liền với diện tích đất này, loại nhà ở riêng lẻ, nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 79,2m², tổng diện tích sàn sử dụng là 79,2m², hình thức sở hữu riêng. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Tấn P vào ngày 08/10/2018, số phát hành CP 327082, số vào sổ CS08432. Hợp đồng thế chấp này được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H chứng nhận đăng ký vào ngày 16/10/2018.

Kể từ ngày nhận tiền vay cho tới nay đã quá thời hạn 12 tháng nhưng anh Nguyễn Tấn P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, nên vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thống nhất thỏa thuận ký kết, đến nay hợp đồng tín dụng này đã quá hạn thanh toán. Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Đối với hợp đồng tín dụng: Yêu cầu anh Nguyễn Tấn P trả số tiền vay còn thiếu là 565.829.452đ. Trong đó gốc là 530.000.000đ, lãi trong hạn 13.874.384đ, lãi quá hạn là 21.955.068đ, tiền lãi tạm tính tới ngày 29/9/2020 và yêu cầu tiếp tục tính

lãi theo mức lãi suất trong hợp đồng đã ký kết.

+ Đối với hợp đồng thế chấp: Nếu anh Nguyễn Tấn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đầy đủ thì Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi các tài sản đã thế chấp theo hợp đồng đã ký kết số 092018.77/HĐTC ngày 15/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 092018.77/01/HĐTC ngày 24/06/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Ngân hàng N không yêu cầu hay trình bày Tòa án giải quyết gì thêm.

- *Bị đơn trình bày:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Nguyễn Tấn P không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T2 và bà Lê Thị M1 trình bày:* Anh P có vay số tiền nêu trên của Ngân hàng. Nay không biết địa chỉ cụ thể anh P ở đâu. Anh P biết Ngân hàng đang khởi kiện mình, nhưng không về tham gia được. Hiện nay ông, bà là người quản lý tài sản thế chấp nêu trên của anh P, đây là tài sản riêng của P, thống nhất giao tài sản cho nhà nước phát mãi bán đấu giá trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên xin Ngân hàng cho P ít thời gian để bán tài sản bên ngoài trả nợ cho Ngân hàng.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của các đương sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”. Bị đơn anh Nguyễn Tấn P có địa chỉ cư trú tại khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị

xã H, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Tấn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn T2 và bà Lê Thị M1 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Tấn P, việc tổng đạt các văn bản của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh P không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh có quy định:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy bị đơn anh P biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án của anh, tuy nhiên anh không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là quyền, nghĩa vụ của anh, nhưng anh từ bỏ quyền này, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự về Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh có quy định:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ quy định pháp luật trên thì anh Phát không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh cũng không đến Tòa án để Tòa án hòa giải nội dung tranh chấp của vụ án. Đồng thời, theo lời trình bày của ông T2 và bà M1 là cha mẹ của anh P thì anh P có vay và còn thiếu số tiền nêu trên của Ngân hàng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng

giữa Ngân hàng N và anh P là có thật, nay khoản vay đã quá hạn theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, anh P phải nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay còn thiếu là 565.829.452đ. Trong đó gốc là 530.000.000đ, lãi trong hạn 13.874.384đ, lãi quá hạn là 21.955.068đ, tiền lãi tạm tính tới ngày 29/9/2020. Tiền lãi được tiếp tục tính lãi theo lãi suất trong hợp đồng mà hai bên ký kết từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng số 092018.77/HĐTC ngày 15/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 092018.77/01/HĐTC ngày 24/06/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, tài sản thế chấp đã được công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng cho anh P, không ai tranh chấp gì đối với các tài sản này. Tài sản thế chấp này hiện nay do ông T2 và bà M1 quản lý, sử dụng, nhưng ông, bà cũng thống nhất đây là tài sản riêng của anh P và các tài sản này đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Phát nêu trên. Hợp đồng thế chấp này được công chứng và đã đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H đúng theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm thế chấp và tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án không có ai tranh chấp về quyền sử dụng và quyền sở hữu đối với các tài sản này. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng thế chấp này có hiệu lực từ ngày được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là ngày 16/10/2018. Hợp đồng thế chấp này sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay còn thiếu của anh P cho Ngân hàng N.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật như sau:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.633.000đ đối với hợp đồng tín dụng và 300.000đ đối với hợp đồng thế chấp. Tổng cộng là 26.933.000đ. Ngân hàng N không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng: Anh P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000đ để hoàn trả lại cho nguyên đơn, do nguyên đơn tạm ứng chi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 117, 317, 318, 319, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc anh Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu cho Ngân hàng N là 565.829.452đ (Năm trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng). Trong đó gốc là 530.000.000đ, lãi trong hạn là 13.874.384đ, lãi quá hạn là 21.955.068đ, tiền lãi tạm tính tới ngày 29/9/2020. Các khoản tiền lãi được tiếp tục tính theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kết số 6508LAV201903625 ngày 24/6/2019 từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thi hành án xong.

- Công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 092018.77/HĐTC ngày 15/10/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 092018.77/01/HĐTC ngày 24/06/2019 giữa, người thế chấp là anh Nguyễn Tấn P, người nhận thế chấp là Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 79,2m², thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 90, tọa lạc khóm B, phường A, thị xã H, loại đất ở tại đô thị và căn nhà ở gắn liền với diện tích đất này, loại nhà ở riêng lẻ, nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 79,2m², tổng diện tích sàn sử dụng là 79,2m², hình thức sở hữu riêng. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được cấp giấy chứng nhận cho anh Nguyễn Tấn P vào ngày 08/10/2018, số phát hành CP 327082, số vào sổ CS08432 có hiệu lực từ ngày 16/10/2018. Trường hợp sau khi có Bản án có hiệu lực pháp luật anh P không thực hiện trả số tiền vay còn thiếu đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Cơ quan Thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng nói trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.933.000đ (Hai

mười sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ngân hàng N không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 12.850.000đ, theo biên lai thu số 0001298 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Tấn P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 200.000đ để hoàn trả lại cho Ngân hàng N (Do Ngân hàng N đã tạm ứng chi).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh